

Phụ lục số 01
DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGẮN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 SANG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Đơn vị trực tiếp quản lý dự án	Kế hoạch vốn giao năm 2022	Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2023	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2022 sang năm 2023	Nguyên nhân đề xuất kéo dài
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số			142.743,000	64.700,707	78.042,294	78.042,293	
1	Sở Giao thông vận tải			20.000,000	10.764,762	9.235,238	9.235,238	
	* Nguồn vượt thu tại QĐ số 297/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh							
(1)	Xử lý kiến cố hóa vi trí lún, sụt trượt nền đường tại Km7+605, Km17+950, Km27+800 tuyến Đt.626 (Đi Lăng - Trà Lĩnh)	7963783	Sở Giao thông vận tải	20.000,000	10.764,762	9.235,238	9.235,238	Dự án được bố trí từ nguồn vượt thu, còn nhu cầu thanh toán (thuộc điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư			300,000	0,000	300,000	300,000	
	* Nguồn vốn đối ứng dự án ODA tại QĐ số 367/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh							
(2)	Dự án làng hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Quảng Ngãi	7989802	Sở Kế hoạch và Đầu tư	300,000	0,000	300,000	300,000	Đây là nguồn vốn chuẩn bị đầu tư, chủ đầu tư đang thực hiện các bước lập thủ tục đầu tư, chưa giải ngân kịp trong năm, do nguyên nhân khách quan, đơn vị cam kết giải ngân hết số vốn ngân sách địa phương năm 2022 kéo dài sang năm 2023 (thuộc điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			21.243,000	14.791,437	6.451,563	6.451,563	
	* Nguồn vốn đối ứng dự án ODA tại QĐ số 1272/QĐ-UBND ngày 24/12/2021							
	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) (Quảng Ngãi)							
(3)	TDA Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 2)	7717017	Sở NN và PTNT	7.114,000	4.486,263	2.627,737	2.627,737	Dự án dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau, còn nhu cầu vốn để thanh toán bồi thường của 02 hồ chứa nước là Phổ Tĩnh và Ông Thư (thuộc điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
	b Nguồn vượt thu tại QĐ số 297/QĐ-UBND ngày 04/4/2022							
(4)	Dự án HTCN sinh hoạt xã Đức Phú, huyện Mộ Đức	7952089	TTNS và VSMT	9.000,000	6.010,161	2.989,839	2.989,839	Dự án được bố trí từ nguồn vượt thu, còn nhu cầu thanh toán (thuộc điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Đơn vị trực tiếp quản lý dự án	Kế hoạch vốn giao năm 2022	Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2023	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2022 sang năm 2023	Nguyên nhân đề xuất kéo dài
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	<p>Nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh bổ trợ vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới và một số chương trình khác (theo Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 03/8/2022, điều chỉnh tại Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 14/11/2022)</p>							
(5)	Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2020	7782589	Ban QLRRPH tỉnh	4.829,000	4.295,013	533,987	533,987	Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đề nghị cho phép kéo dài để đảm bảo tỷ lệ quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và ngân sách trung ương đã được Quốc hội cho phép kéo dài tại Nghị quyết số 69/2022/NQ-HĐND
(6)	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ trên lâm phần Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi quản lý, giai đoạn 2021-2025	7975833	Ban QLRRPH tỉnh	300,000	0,000	300,000	300,000	Đây là nguồn vốn chuẩn bị đầu tư, chủ đầu tư đang thực hiện các bước lập thủ tục đầu tư, chưa giải ngân kịp trong năm, do nguyên nhân khách quan (thuộc điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
4	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh			27.000,000	609,454	26.390,546	26.390,546	
a	Nguồn thường vượt thu tại QĐ số 1133/QĐ-UBND ngày 13/10/2022							
(7)	Kê chống sạt lở bờ biển thôn Phước Thiện 1, thôn Phước Thiện 2, xã Bình Hải, huyện Bình Sơn	7984144	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	25.000,000	453,226	24.546,774	24.546,774	Dự án được bổ trợ từ nguồn thường vượt thu, còn nhu cầu thanh toán (thuộc điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
(8)	Đầu tư cơ sở hạ tầng tạo quỹ đất sạch tại vị trí hạ lưu Đập dâng sông Trà Khúc, xã Tịnh An và xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi	7982675	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	1.350,000	156,228	1.193,772	1.193,772	Dự án được bổ trợ từ nguồn thường vượt thu, còn nhu cầu thanh toán (thuộc điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
(9)	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng tạo quỹ đất sạch kết hợp kê chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Khúc, đoạn qua xã Tịnh Long	8011343	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	650,000		650,000	650,000	Dự án được bổ trợ từ nguồn thường vượt thu, còn nhu cầu thanh toán (thuộc điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
5	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh			44.200,000	38.213,084	5.986,916	5.986,916	
a	Nguồn vốn XDCB tập trung tại QĐ số 1272/QĐ-UBND ngày 24/12/2021							
(10)	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm chỉ huy Bộ CHQS tỉnh	7004686	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	44.200,000	38.213,084	5.986,916	5.986,916	Dự án được bổ trợ từ nguồn thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước, việc nhập dự toán theo tiến độ thu vào thời điểm cuối năm, do đó Chủ đầu tư chưa giải ngân kịp trong năm, do nguyên nhân khách quan, mặt khác, chủ đầu tư đã cam kết giải ngân hết số vốn ngân sách địa phương năm 2022 kéo dài sang năm 2023 (thuộc điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
6	Sở Thông tin và Truyền thông			30.000,000	321,970	29.678,030	29.678,030	
a	Nguồn vượt thu tại QĐ số 297/QĐ-UBND ngày 04/4/2022							
(11)	Dự án Đầu tư chuyển đổi số	7965924	Sở Thông tin và Truyền thông	30.000,000	321,970	29.678,030	29.678,030	Dự án được bổ trợ từ nguồn vượt thu, còn nhu cầu thanh toán (thuộc điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)

Phụ lục số 02
DANH MỤC DỰ ÁN KÈO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGẮN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 SANG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2022	Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2023	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2022 sang năm 2023	Nguyên nhân để xuất kéo dài
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số			423.387,652	233.998,697	189.388,955	188.882,100	
1	UBND thành phố Quảng Ngãi			14.954,900	4.568,145	10.386,755	10.374,755	
a	Nguồn khai thác quỹ đất năm 2022			4.018,000	1.278,312	2.739,688	2.739,688	
(1)	Nâng cấp, chỉnh trang đường Hai Bà Trưng (Quang Trung-Nguyễn Chi Thanh)	7794755	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ thành phố Quảng Ngãi	3.000,000	1.099,661	1.900,339	1.900,339	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Hiện nay còn nhu cầu thanh toán (Thuộc điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
(2)	Mở rộng nút giao thông ngã 5 cũ, thành phố Quảng Ngãi.	7947094	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ thành phố Quảng Ngãi	1.018,000	178,651	839,349	839,349	Dự án đã được phê duyệt phương án bồi thường tại Quyết định số 8733/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND thành phố (Thuộc điểm b khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
b	Nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG nông thôn mới			10.936,900	3.289,833	7.647,067	7.635,067	
(3)	BTXM tuyến Trương Cảnh - Đông Thành	7989206	BQL XD NTM xã Tinh Châu	358,400	0,000	358,400	358,400	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí
(4)	BTXM tuyến đèo Núi Sinh- Gò Thành	7989200	BQL XD NTM xã Tinh Châu	539,800	38,486	501,314	501,314	
(5)	BTXM tuyến ĐH 530- giúp BTXM Nguyễn Đức Phong, Tỉnh Thiện-Gò Lìm	7989201	BQL XD NTM xã Tinh Châu	564,000	49,306	514,694	514,694	
(6)	BTXM tuyến Bãi Hào-Gốc Sộp	7989202	BQL XD NTM xã Tinh Châu	648,000	43,253	604,747	604,747	
(7)	BTXM tuyến Đàng Đình Nhom-Phùng Văn	7989205	BQL XD NTM xã Tinh Châu	480,000	37,247	442,753	442,753	
(8)	BTXM đi Lê Thủy - Bò Sông Sù- Kênh Chim	7989204	BQL XD NTM xã Tinh Châu	330,400	24,767	305,633	305,633	
(9)	Mương thoát nước Ngã tư Kim Lộc-Cống Cồn	7989203	BQL XD NTM xã Tinh Châu	1.104,000	46,118	1.057,882	1.057,882	
(10)	Nâng cấp tường rào, xây dựng mới Khán đài Sân vận động xã	798918	BQL XD NTM xã Tinh Châu	1.260,000	0,000	1.260,000	1.260,000	
(11)	Đầu tư lắp đặt các dụng cụ TDDT ngoài trời ở điểm công cộng(Khu vực cầu sá, điểm sinh hoạt Phù Mỹ, Sa kiêu, Lê Thủy...)	7989199	BQL XD NTM xã Tinh Châu	310,100	0,000	310,100	310,100	
(12)	Sân giáo dục thể chất Trường tiểu học, THCS Trần Quý Hai Tỉnh Châu	7991687	BQL XD NTM xã Tinh Châu	400,000	237,000	163,000	163,000	
(13)	Bê tông mương tưới B8-17-1 tuyến Khê Thuận-Khe Hòa	7991680	BQL XD NTM xã Tinh Khê	2.000,000	0,000	2.000,000	2.000,000	
(14)	Xây dựng tường sơ chế, chế biến sản phẩm dừa xiêm lùn da xanh Tỉnh Khê	7993739	BQL XD NTM xã Tinh Khê	700,000	648,456	51,544	51,544	
(15)	Nâng cấp đường BTXM và Hệ thống thoát nước tuyến đường Nhà ông Phạm Thâm đi cây xăng đầu thôn An Vĩnh (Đoạn Nhà bà Bùi Thị Thuý đến nhà ông Nguyễn Thứ)	7995976	BQL XD NTM xã Tinh Kỳ	440,000	430,000	10,000	10,000	

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn gian năm 2022	Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2023	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2022 sang năm 2023	Nguyên nhân để xuất kéo dài
1	2	3	4	5	6	7	8	9
(16)	Nâng cấp các tuyến đường BTXM từ Ngã ba UBND xã đến nhà ông Dương Văn Lâm, hạng mục: Mặt đường	7995977	BQL XD NTM xã Tinh Kỳ	704,000	689,000	15,000	15,000	<p>Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí</p>
(17)	BTXM các tuyến đường trên địa bàn thôn Kỳ Xuyên Tuyến 1: Tuyến đường từ Nhà ông Phan Thanh Hải đến nhà ông Sang, hạng mục: Mặt đường + Thoát nước. Tuyến 2: tuyến đường từ nhà ông Võ Thuận đến nhà ông Dương Thanh Nhân, Hạng mục: Nền + Mặt đường	7995971	BQL XD NTM xã Tinh Kỳ	331,200	311,200	20,000	20,000	
(18)	BTXM tuyến đường từ nhà ông Trần Quốc Duy đi nhà ông Nguyễn Danh, Hạng mục: Nền + Mặt đường	7995972	BQL XD NTM xã Tinh Kỳ	312,000	290,000	22,000	10,000	
(19)	Cải tạo khuôn viên nhà văn hóa thôn An Kỳ, Hạng mục: Tường rào + Cổng ngõ, xây mới nhà vệ sinh + nhà kho	7995974	BQL XD NTM xã Tinh Kỳ	455,000	445,000	10,000	10,000	
2	UBND huyện Bình Sơn			48.040,052	43.063,397	4.976,655	4.615,928	
a	Nguồn vượt thu tại QĐ số 297/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh			27.000,000	26.501,088	498,912	498,912	
(20)	Nâng cấp tuyến đường DH.05 (Nước mặn - Bình Khương)	7955638	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Sơn	27.000,000	26.501,088	498,912	498,912	Dự án được bố trí từ nguồn vượt thu, còn nhu cầu thanh toán (thuộc điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
b	Nguồn ngân sách huyện			3.040,000	116,047	2.923,953	2.923,953	
(21)	Lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 phía Nam	7960438	UBND huyện Bình Sơn	2.400,000	116,047	2.283,953	2.283,953	Dự án được bố trí từ kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Hiện nay còn nhu cầu giải ngân (Thuộc điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
(22)	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu dân cư Đông Bắc thị trấn Châu Ô	8004866	UBND huyện Bình Sơn	640,000		640,000	640,000	Dự án được bố trí từ kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Hiện nay còn nhu cầu giải ngân (Thuộc điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
c	Nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG nông thôn mới			18.000,052	16.446,262	1.553,790	1.193,063	
(23)	Xây dựng Trường Mầm non Bình Dương, Hạng mục: 2 tầng, 4 phòng	7981097	UBND xã Bình Dương	1.037,400	932,264	105,136	105,136	<p>Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí</p>
(24)	Xưởng sơ chế và trang thiết bị phục vụ sản xuất	7993747	UBND xã Bình Dương	800,000	240,467	559,533	559,533	
(25)	Bê tông xi măng đường từ kênh B7 đến Ao Nghêu, Tuyến: Cầu Đen - Dốc Đèo	7974575	UBND xã Bình Trị	1.000,000	994,647	5,353	5,353	
(26)	Bê tông xi măng tuyến: Nguyễn Thành đến ngã ba đường ra thôn Lê Thủy	7974573	UBND xã Bình Trị	280,000	274,772	5,228	5,228	
(27)	Bê tông xi măng đường từ nhà hợp KDC Hòa Tây đến Ngõ Quảng	7974569	UBND xã Bình Trị	680,000	464,673	215,327	215,327	
(28)	KCH kênh B7.13 tuyến kênh Ao Đất Sét đi Cây Cốc (Tân An)	7974570	UBND xã Bình Trị	640,000	636,226	3,774	3,774	
(29)	Bê tông xi măng tuyến kênh nối dài từ Suối Khoai - Công Điền	7974571	UBND xã Bình Trị	640,000	636,202	3,798	3,798	
(30)	Bê tông xi măng tuyến kênh nối dài từ Ao Hóa - Công Điền	7974607	UBND xã Bình Trị	600,000	596,498	3,502	3,502	
(31)	Nhà, tường rào hội trường đa năng xã Bình Trị	7974576	UBND xã Bình Trị	840,000	825,338	14,662	14,662	
(32)	Trường THCS Bình Chánh, Hạng mục: Nhà thi đấu đa năng, sân nền và tường rào công ngõ	7922434	BQL CTMTQG xã Bình Chánh	4.831,327	4.582,989	248,338	19,750	

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2022	Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2023	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2022 sang năm 2023	Nguyên nhân để xuất kéo dài	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
(33)	Trường Tiểu học số 1 Bình Hải khởi công học, công nghệ (Cụm An Cường)	7915978	BQL CTMTQG xã Bình Hải	1.026,325	985,056	41,269	2,632	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí	
(34)	Xây dựng phòng học bổ môn trường THCS xã	7917002	BQL CTMTQG xã Bình Thuận	1.747,000	1.598,985	148,015	54,513		
(35)	Nhà văn hóa xã Bình Thuận	7917127	BQL CTMTQG xã Bình Thuận	3.735,000	3.622,340	112,660	112,660		
(36)	Kiến cổ hóa kênh 17 thôn Châu Me	7796776	BQL CTMTQG xã Bình Châu	120,000	43,783	76,217	76,217		
(37)	KCH kênh Hồ Học Dục - Cầu Cựu	7796773	BQL CTMTQG xã Bình Châu	23,000	12,022	10,978	10,978		
3	Huyện Tư Nghĩa			26.062,400	23.799,501	2.262,899	2.262,899		
a	Nguồn vượt thu tại QĐ số 297/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh			23.000,000	21.851,915	1.148,085	1.148,085		
(38)	Đầu tư hệ thống chiếu sáng Quốc lộ 1 (đoạn từ nút giao đường dẫn cao tốc Quảng Ngãi - Đà Nẵng đến cầu Cây bừa)	7971781	UBND huyện Tư Nghĩa	23.000,000	21.851,915	1.148,085	1.148,085	Dự án được bố trí từ nguồn vượt thu, còn nhu cầu thanh toán (thuộc điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)	
b	Nguồn vốn Ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới			2.956,400	1.947,586	1.008,814	1.008,814		
(39)	Sửa chữa Cầu bê tông thôn Năng Xã	7986396	UBND xã Nghĩa Hiệp	528,200	251,626	276,574	276,574	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí	
(40)	Sửa chữa tuyến đường từ Gò Danh đi Đồng Phần, xã Nghĩa Hiệp	7984010	UBND xã Nghĩa Hiệp	200,000	1,249	198,751	198,751		
(41)	Khu thể thao thôn Năng Đồng	7986397	UBND xã Nghĩa Hiệp	250,000	12,262	237,738	237,738		
(42)	Kênh NVC2-3 - Mương 6 ống	7992643	UBND xã Nghĩa Lâm	319,200	291,903	27,297	27,297		
(43)	Kênh tuyến TB7 - Đồng Mới - Thổ Mão (giai đoạn 1)	7992641	UBND xã Nghĩa Lâm	659,000	490,276	168,724	168,724		
(44)	Đầu tư xây dựng nhà xưởng chế biến đầu phụ (đầu lạc)	7991143	UBND xã Nghĩa Lâm	1.000,000	900,270	99,730	99,730		
c	Nguồn vốn Ngân sách tỉnh đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			106,000	0,000	106,000	106,000		
(45)	Hệ thống Nước sinh hoạt tập trung xã Nghĩa Sơn	7991686	UBND xã Nghĩa Sơn	106,000	0,000	106,000	106,000	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí	
4	UBND Huyện Ba Tơ			16.734,000	10.776,778	5.957,222	5.829,998		
a	Nguồn vượt thu tại QĐ số 297/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh			9.950,000	9.709,776	240,224	113,000		
(46)	Sửa chữa tuyến đường DT.624 - Trung tâm xã Ba Điền	7952430	BQL DA&TXD&PTQĐ huyện Ba Tơ	9.950,000	9.709,776	240,224	113,000	Dự án được bố trí từ nguồn vượt thu, còn nhu cầu thanh toán (thuộc điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)	
b	Nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG nông thôn mới			2.500,000	242,359	2.257,641	2.257,641		

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2022	Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2023	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2022 sang năm 2023	Nguyên nhân để xuất kéo dài
1	2	3	4	5	6	7	8	9
(47)	Nâng cấp, sửa chữa HTCSNH thôn Mang Đen, xã Ba VL, huyện Ba To	7984573	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Ba To	2.500,000	242,359	2.257,641	2.257,641	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí
c	Nguồn vốn Ngân sách tỉnh đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			4.284,000	824,643	3.459,357	3.459,357	
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiết đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt							
(48)	Nâng cấp mở rộng nước sinh hoạt Tổ 8 thôn Gò Pằng	7980888	Phòng NN và PTNT huyện	30,000	0,000	30,000	30,000	
(49)	Nâng cấp mở rộng nước sinh hoạt Thôn Lăng Dút	7978451	Phòng NN và PTNT huyện	140,000	0,000	140,000	140,000	
(50)	Nước sinh hoạt thôn Mang Lăng 1 xã Ba Tô	7980887	Phòng NN và PTNT huyện	131,000	0,000	131,000	131,000	
(51)	Nước sinh hoạt thôn Hy Long	7978449	Phòng NN và PTNT huyện	168,000	0,000	168,000	168,000	
(52)	Nước sinh hoạt tập trung thôn Gò Re	7978448	Phòng NN và PTNT huyện	153,000	0,000	153,000	153,000	
(53)	Nước sinh hoạt tập trung Suối Quỳ, Mang Biều	7980889	Phòng NN và PTNT huyện	204,000	0,000	204,000	204,000	
(54)	Nước sinh hoạt xóm Ông Chết thôn Lăng Tốt	7980886	Phòng NN và PTNT huyện	105,000	0,000	105,000	105,000	
(55)	Nước sinh hoạt thôn Lăng Xi 1 xã Ba Tô	7978447	Phòng NN và PTNT huyện	111,000	0,000	111,000	111,000	
	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết							
(56)	Khu tái định cư tập trung tại thôn Trà Nô, xã Ba Tô	7989210	BQL DAĐTXD&PTQĐ huyện Ba To	475,000		475,000	475,000	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc							
(57)	Trường TH&THCS Ba Vinh, hạng mục khởi phòng học tập	7982338	BQL DAĐTXD&PTQĐ huyện Ba To	146,000	0,000	146,000	146,000	
(58)	Trường Mầm non Ba Thành, hạng mục: 02 phòng học	7981212	BQL DAĐTXD&PTQĐ huyện Ba To	46,000	1,068	44,932	44,932	
(59)	Cầu BTCT tuyến đường UBND xã di Gò Lút	7982339	BQL DAĐTXD&PTQĐ huyện Ba To	306,000	152,520	153,480	153,480	
(60)	Đường BTXM thôn Búi Hui (thảo nguyên Búi Hui)	7988524	BQL DAĐTXD&PTQĐ huyện Ba To	331,000	0,000	331,000	331,000	
(61)	Nâng cấp tuyến đường UBND xã di Nước Giáp	7981213	BQL DAĐTXD&PTQĐ huyện Ba To	301,000	172,333	128,667	128,667	
(62)	Trường Mầm non Ba Điền, hạng mục: 01 phòng học, tường rào, cổng ngõ, sân vườn, nhà vệ sinh	7981238	BQL DAĐTXD&PTQĐ huyện Ba To	101,000	0,000	101,000	101,000	
(63)	Nhà văn hóa thôn Lăng Tương	7983010	UBND xã Ba Điền	41,000		41,000	41,000	
(64)	Trường TH&THCS Ba Nam, hạng mục: 08 phòng học	7984009	BQL DAĐTXD&PTQĐ huyện Ba To	143,000		143,000	143,000	

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2022	Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2023	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2022 sang năm 2023	Nguyên nhân để xuất kéo dài
1	2	3	4	5	6	7	8	9
(65)	Tường rào, cổng ngõ, sân vườn Nhà văn hóa thôn Vả Lẻ, Đông Lâu	7997240	UBND xã Ba Lẻ	33,000		33,000	33,000	<p>Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí</p>
(66)	Trường TH&THCS Ba Bích; hạng mục: 08 phòng học	7982663	BQL DABTXD&PTQĐ huyện Ba To	163,000	0,000	163,000	163,000	
(67)	Cầu BTCT Làng Chai	7981214	BQL DABTXD&PTQĐ huyện Ba To	207,000	151,224	55,776	55,776	
(68)	Trường Tiểu học Ba Dinh, hạng mục: 02 phòng học tập, 04 phòng hỗ trợ học tập	7981215	BQL DABTXD&PTQĐ huyện Ba To	148,000	75,000	73,000	73,000	
(69)	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Krén - Pa Nu - Ba Lẻ	7985252	BQL DABTXD&PTQĐ huyện Ba To	260,000		260,000	260,000	
(70)	Trường Tiểu học Ba Xa, hạng mục: 04 phòng học, 02 phòng hỗ trợ học tập	7981216	BQL DABTXD&PTQĐ huyện Ba To	149,000	99,603	49,397	49,397	
(71)	Đường QL 24 đi Gò Pa Nu	7982341	BQL DABTXD&PTQĐ huyện Ba To	333,000	172,895	160,105	160,105	
*	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch							
(72)	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao tại các thôn thuộc vùng ĐBĐTTS huyện Ba To	8015398	Phòng VH-TT	59,000	0,000	59,000	59,000	
5	UBND Huyện Sơn Tây			2.146,900	1.485,152	661,748	661,748	
a	Nguồn vốn ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững			879,900	740,325	139,575	139,575	
(73)	Nâng cấp, mở rộng Đường BTXM Trường Mầm non Đăkđrinh Trường PTĐT BT Tiểu học Sơn Dung	7983432	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Tây	97,900	93,711	4,189	4,189	<p>Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí</p>
(74)	BTXM Tuyến TSD đi UBND xã	7987176	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Tây	108,100	78,103	29,997	29,997	
(75)	Nâng cấp, mở rộng Nhà văn hóa thôn Đakdoa	7990084	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Tây	114,000	68,746	45,254	45,254	
(76)	Trường Mầm non Sơn Tinh	7990085	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Tây	374,100	337,922	36,178	36,178	
(77)	Mở rộng trường mầm non TuKpan (điểm trường chính)	7990083	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Tây	79,200	59,139	20,061	20,061	
(78)	Đường vào KDC Tân Ba, thôn Nước Vương	7986076	UBND xã Sơn Liên	106,600	102,704	3,896	3,896	
b	Đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			1.267,000	744,827	522,173	522,173	
*	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt							
(79)	Nâng cấp hệ thống NSH xóm Ông Lợi, KDC Nước Lẻ	7988536	UBND xã Sơn Liên	150,000	116,190	33,810	33,810	<p>Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí</p>
*	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc							
(80)	Xây dựng đường thôn BTXM GTNT nhà ông Trung đi ông Ôn, thôn Ra Tân	7992848	UBND xã Sơn Tinh	70,000	0,000	70,000	70,000	
(81)	Đường điện Khu dân cư Alu, Mỏ gộc	7988304	UBND xã Sơn Múa	49,100	0,000	49,100	49,100	
(82)	Đường dẫn sinh tử nhà ông Ghen đến Nước Mốc, thôn Ra Nhua, Hạng mục: Bê tông nền mặt đường + Thoát nước	7988635	UBND xã Sơn Tân	99,900	85,449	14,451	14,451	

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2022	Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2023	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2022 sang năm 2023	Nguyên nhân để xuất kéo dài
1	2	3	4	5	6	7	8	9
*	Dự án 5: Phát triển giao đuc đảo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực							Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phân bổ đối ứng ngân sách địa phương bố trí
(83)	Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Long	7983436	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Tây	288,000	176,921	111,079	111,079	
(84)	Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Tấn	7983004	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Tây	305,000	193,570	111,430	111,430	
(85)	Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Mậu	7984876	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Tây	305,000	172,697	132,303	132,303	
6	Huyện Sơn Tĩnh			59.229,400	17.962,431	41.266,969	41.266,969	
a	Nguồn thường vượt thu từ nguồn NSTW giao tại Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh			10.000,000	473,895	9.526,105	9.526,105	
(86)	Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp mở rộng một số tuyến đường đến trên địa bàn huyện thuộc nguồn vốn Trung ương thường vượt thu năm 2021	7992646	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Tĩnh	10.000,000	473,895	9.526,105	9.526,105	Dự án được bổ trí từ nguồn vượt thu, còn nhu cầu thanh toán (thuộc điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
b	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn vượt thu giao tại Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh			35.000,000	14.390,505	20.609,495	20.609,495	
(87)	Cầu Băng Than, xã Tĩnh Giang, huyện Sơn Tĩnh	7959500	BQL dự án ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Tĩnh	15.000,000	7.379,011	7.620,989	7.620,989	Dự án được bổ trí từ nguồn vượt thu, còn nhu cầu thanh toán (thuộc điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
(88)	Kê chống sạt lở sông Trà Khúc đoạn qua thôn Hà Tây	7956800	BQL dự án ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Tĩnh	20.000,000	7.011,494	12.988,506	12.988,506	
c	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ đối ứng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới			14.229,400	3.098,031	11.131,369	11.131,369	
(89)	Xây dựng hệ thống kênh tưới thuộc các vùng dồn điền đổi thửa xã Tĩnh Thọ	7978465	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Tĩnh	1.500,000	151,619	1.348,381	1.348,381	
(90)	Kho trung báy và kho lạnh chứa sản phẩm	7978456	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Tĩnh	1.500,000	109,282	1.390,718	1.390,718	
(91)	Kênh: Ông Hải - Đặng Khâm, Đông Nà	7978827	UBND xã Tĩnh Bắc	88,000	28,251	59,749	59,749	
(92)	Kênh: Ông Phong - Bùi Văn Hòa, Đông Nà	7978839	UBND xã Tĩnh Bắc	84,000	3,748	80,252	80,252	
(93)	Kênh: Lâm Quang Thiện - Suối Minh Lộc (nhánh 2), Đông Nà	7978840	UBND xã Tĩnh Bắc	49,700	17,894	31,806	31,806	
(94)	Kênh: Ông Thủy - suối Minh Lộc (nhánh 2), Đông Nà	7978841	UBND xã Tĩnh Bắc	116,000	47,554	68,446	68,446	
(95)	Kênh VC7- Hoàng Sơn Quang, Đông Ao	7978842	UBND xã Tĩnh Bắc	320,000	14,935	305,065	305,065	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phân bổ đối ứng ngân sách địa phương bố trí
(96)	Kênh: VC7- Cống Thôn (nhánh 1), Đông Ao	7978843	UBND xã Tĩnh Bắc	320,000	14,345	305,655	305,655	
(97)	Kênh: VC7 - 6 Dung, Đông ao	7978844	UBND xã Tĩnh Bắc	320,000	12,446	307,554	307,554	
(98)	Kênh: Đồng mớc - (ông Long - Đi suối) nhánh 2	7978845	UBND xã Tĩnh Bắc	276,000	89,464	186,536	186,536	
(99)	Kênh: VC7 - Ông Thạch, Đông ao	7978846	UBND xã Tĩnh Bắc	320,000	15,259	304,741	304,741	
(100)	Kênh: VC7- Quang Tấn	7979102	UBND xã Tĩnh Bắc	400,000	16,975	383,025	383,025	
(101)	Kênh: Lâm Quang Vinh - Suối Minh Lộc (nhánh 1), Đông Nà	7979103	UBND xã Tĩnh Bắc	113,600	46,798	66,802	66,802	
(102)	Kênh: Đồng mớc (ông thanh - ông Lý) nhánh 2	7979104	UBND xã Tĩnh Bắc	148,000	51,707	96,293	96,293	
(103)	Kênh: Lâm Quang Thiện - Suối Minh Lộc (nhánh 1), Đông Nà	7979105	UBND xã Tĩnh Bắc	44,000	13,584	30,416	30,416	

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2022	Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2023	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2022 sang năm 2023	Nguyên nhân đề xuất kéo dài
1	2	3	4	5	6	7	8	9
(104)	Kênh: Đồng Mốc - (ông Long - Di suối) nhánh 1	7979106	UBND xã Tĩnh Bắc	480,000	187,047	292,953	292,953	<p>Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023".</p> <p>Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí</p>
(105)	Nâng cấp Nghĩa trang liệt sĩ xã Tĩnh Bắc	7979862	UBND xã Tĩnh Bắc	300,000	146,776	153,224	153,224	
(106)	Kênh: Bà Mai - Suối Minh Lộc, Đồng Nà	7979873	UBND xã Tĩnh Bắc	126,400	4,312	122,088	122,088	
(107)	Kênh: VC7- Hujnh Lóc, Đồng Ao	7979874	UBND xã Tĩnh Bắc	320,000	12,556	307,444	307,444	
(108)	Tuyến kênh B42 - Suối Minh Lộc (Nhánh 2)	7979875	UBND xã Tĩnh Bắc	35,000	12,041	22,959	22,959	
(109)	Kênh: Bà Chó - Ông Nhị - Suối Minh Lộc, Đồng Nà	7979876	UBND xã Tĩnh Bắc	144,000	49,346	94,654	94,654	
(110)	Duy tu, sửa chữa đường thôn: Tuyến Ba Gia - An Điểm - Xóm 4, thôn Minh Xuân; Tuyến Việt Tiến - Bàu Trai	8005981	UBND xã Tĩnh Bắc	360,000	120,716	239,284	239,284	
(111)	Bê tông xi măng đường nội đồng xứ Đồng Nà	8005982	UBND xã Tĩnh Bắc	470,000	177,486	292,514	292,514	
(112)	Bê tông xi măng đường nội đồng xứ Đồng Mốc	8005983	UBND xã Tĩnh Bắc	480,000	187,031	292,969	292,969	
(113)	Kênh tiêu đường huyện DH 17 - Cống Thần	8005984	UBND xã Tĩnh Bắc	680,000	254,432	425,568	425,568	
(114)	Nâng cấp, mở rộng đường xã tuyến QL24B - Cù Và (giai đoạn 3)	7978826	UBND xã Tĩnh Giang	880,000	0,000	880,000	880,000	
(115)	Tường rào, hệ thống thoát nước và các hạng mục khác của Sân thể thao xã	7979863	UBND xã Tĩnh Giang	700,000	304,194	395,806	395,806	
(116)	Công viên cây xanh (thôn Cù Và)	7979864	UBND xã Tĩnh Giang	254,700	0,000	254,700	254,700	
(117)	Xây mới tường rào Nhà Văn hóa xã Tĩnh Giang (đoạn còn lại)	7979865	UBND xã Tĩnh Giang	560,000	242,966	317,034	317,034	
(118)	Nâng cấp, chỉnh trang các hạng mục trụ sở UBND xã Tĩnh Giang	7979866	UBND xã Tĩnh Giang	560,000	242,185	317,815	317,815	
(119)	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Phước Thọ	7979868	UBND xã Tĩnh Giang	480,000	175,186	304,814	304,814	
(120)	KCH kênh mương tuyến kênh Bờ Cấn - nước nóng	7979869	UBND xã Tĩnh Giang	360,000	139,918	220,082	220,082	
(121)	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm An Kim	7979870	UBND xã Tĩnh Giang	560,000	207,978	352,022	352,022	
(122)	Nâng cấp, mở rộng đường xã tuyến QL24B - Cù Và (giai đoạn 2)	7979871	UBND xã Tĩnh Giang	880,000	0,000	880,000	880,000	
7	Huyện Trà Bồng			37.163,000	13.757,210	23.405,790	23.405,790	
a	Nguồn vượt thu bổ trí vốn tại Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh			23.000,000	12.740,476	10.259,524	10.259,524	
(123)	Sửa chữa hư hỏng, khắc phục sạt lở tuyến đường giao thông Eo Chim - Trà Nham huyện Trà Bồng	7959322	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Trà Bồng	15.000,000	7.932,197	7.067,803	7.067,803	Dự án được bổ trí từ nguồn vượt thu, còn nhu cầu thanh toán (thuộc điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
(124)	Cải tạo, sửa chữa Nhà làm việc Huyện ủy huyện Trà Bồng	7959323	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Trà Bồng	8.000,000	4.808,279	3.191,721	3.191,721	
b	Nguồn thu tiền sử dụng đất bổ trí vốn tại Quyết định số 5732/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện Trà Bồng			100,000	17,139	82,861	82,861	
(125)	Xây mới Hội trường Ban chỉ huy quân sự huyện Trà Bồng	7004686	Ban Chỉ huy quân sự huyện Trà Bồng	100,000	17,139	82,861	82,861	Nguồn vốn bổ trí vào thời điểm cuối năm, chủ đầu tư đang lập các bước chuẩn bị đầu tư, chưa giải ngân kịp trong năm, do nguyên nhân khách quan (thuộc điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2022	Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2023	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2022 sang năm 2023	Nguyên nhân để xuất kéo dài
1	2	3	4	5	6	7	8	9
c	Đổi ứng NS tính thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững			6.701,000	0,000	6.701,000	6.701,000	
(126)	Hệ thống nước sinh hoạt xã Trà Tân	8008030	BQL DA ETXD và PTQĐ huyện Trà Bồng	400,000	0,000	400,000	400,000	<p>Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023".</p> <p>Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đổi ứng ngân sách địa phương bố trí</p>
(127)	Đường TL622 - Trà Hoa	7981481	BQL DA ETXD và PTQĐ huyện Trà Bồng	625,000	0,000	625,000	625,000	
(128)	Tuyến đường từ Cây Chò đi Trà Nham (giai đoạn 2)	7984011	BQL DA ETXD và PTQĐ huyện Trà Bồng	917,000	0,000	917,000	917,000	
(129)	Đường từ QL24C đến thôn 1, thôn 4, xã Trà Thủy	7983431	BQL DA ETXD và PTQĐ huyện Trà Bồng	900,000	0,000	900,000	900,000	
(130)	Nâng cấp BTXM nối tiếp khu 9 đi khu 10 Hà Riêng	7975834	BQL DA ETXD và PTQĐ huyện Trà Bồng	475,000	0,000	475,000	475,000	
(131)	Đường từ Trường tiểu học tổ 3 thôn Cát cũ đến đất ông Thi	7984143	BQL DA ETXD và PTQĐ huyện Trà Bồng	894,000	0,000	894,000	894,000	
(132)	Nâng cấp tuyến đường Eo Xã Lan đi thôn Sơn, xã Sơn Trà giai đoạn I	7983424	BQL DA ETXD và PTQĐ huyện Trà Bồng	825,000	0,000	825,000	825,000	
(133)	Điện sinh hoạt thôn tổ 6 và 7 thôn Sơn, xã Sơn Trà	7977414	BQL DA ETXD và PTQĐ huyện Trà Bồng	305,000	0,000	305,000	305,000	
(134)	Nhà Văn hóa xã Trà Lâm	7988306	BQL DA ETXD và PTQĐ huyện Trà Bồng	200,000	0,000	200,000	200,000	
(135)	Nhà Văn hóa xã Trà Búi	7988305	BQL DA ETXD và PTQĐ huyện Trà Bồng	200,000	0,000	200,000	200,000	
(136)	Trường Mầm non số 1 Hương Trà hạng mục nhà hiệu bộ 8 phòng 2 tầng, 2 phòng học chức năng và các hạng mục phụ khác	7987172	BQL DA ETXD và PTQĐ huyện Trà Bồng	250,000	0,000	250,000	250,000	
(137)	Trường PTDTBT THCS số 01 Hương Trà HM phòng học bộ môn 4 phòng 2 tầng và các hạng mục phụ khác	7987173	BQL DA ETXD và PTQĐ huyện Trà Bồng	210,000	0,000	210,000	210,000	
(138)	Trường TH và THCS Tân, Nhà lớp học 10 phòng, 2 tầng	7983426	BQL DA ETXD và PTQĐ huyện Trà Bồng	250,000	0,000	250,000	250,000	
(139)	Trường PTDTBT TH số 2 Hương Trà HM nhà lớp học 08 phòng 2 tầng và các hạng mục phụ khác	7988000	BQL DA ETXD và PTQĐ huyện Trà Bồng	250,000	0,000	250,000	250,000	
d	Vấn đổi ứng ngân sách tính thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			5.362,000	159,595	5.202,405	5.202,405	
*	Dự án 1: Đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt tập trung							
(140)	Hệ thống nước sinh hoạt xã Trà Búi	7986392	UBND xã Trà Búi	105,000		105,000	105,000	<p>Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023".</p> <p>Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đổi ứng ngân sách địa phương bố trí</p>
(141)	Hệ thống nước sinh hoạt xã Trà Giang	7980938	UBND xã Trà Giang	105,000		105,000	105,000	
(142)	Hệ thống nước sinh hoạt xã Trà Thủy	7988648	UBND xã Trà Thủy	105,000		105,000	105,000	
(143)	Nước sinh hoạt tổ 5 thôn Vuông	7978444	UBND xã Trà Thanh	105,000		105,000	105,000	
(144)	Hệ thống NSH tổ 1, 2 thôn Sơn Bàn	7986398	UBND xã Trà Sơn	107,000		107,000	107,000	
(145)	Nước sinh hoạt tổ 1 thôn Sơn	7995987	UBND xã Sơn Trà	107,000		107,000	107,000	
(146)	Nước sinh hoạt tổ 5,6,7 thôn Trà Lạc	7975092	UBND xã Trà Lâm	105,000		105,000	105,000	
(147)	Hệ thống nước sinh hoạt tập trung tổ 1 và 2, thôn Trà Huỳnh	7980864	UBND xã Hương Trà	107,000		107,000	107,000	

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2022	Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2023	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2022 sang năm 2023	Nguyên nhân để xuất kéo dài
1	2	3	4	5	6	7	8	9
(148)	Hệ thống nước sinh hoạt Đồi Sim	7979114	UBND xã Trà Phong	107,000		107,000	107,000	
(149)	Hệ thống nước sinh hoạt Đồi 7 thôn Trà Kem	7979111	UBND xã Trà Xanh	107,000		107,000	107,000	
(150)	Nước sinh hoạt tổ 3,4,5 thôn Trà Ôt	7977397	UBND xã Trà Tân	107,000		107,000	107,000	
(151)	Hệ thống NSH tổ 7,8 thôn Vàiàng	7982656	UBND xã Trà Tây	107,000		107,000	107,000	
(152)	Hệ thống NSH tổ 1, thôn Nguyễn	7978410	UBND xã Trà Hiệp	105,000		105,000	105,000	
*	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết							
(153)	Khu tái định cư tổ 4, thôn 2 (Nóc ông Đền), xã Trà Giang, huyện Trà Bồng	8016795		200,000		200,000	200,000	
(154)	Khu tái định cư tổ 1, tổ 3 thôn Sơn, xã Sơn Trà, huyện Trà Bồng	8016798	BQL DA ĐTXD và PTQD	200,000		200,000	200,000	
(155)	Khu tái định cư tổ 3, thôn Tây, xã Trà Tây, huyện Trà Bồng	8016796		134,000		134,000	134,000	
*	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc							
(156)	Đường dân sinh khu Chấn nước	7974187		75,000	0,000	75,000	75,000	
(157)	Đường nhà ông Rếp đi Nghĩa Trang xã	7977400	UBND xã Trà Tân	100,000	0,000	100,000	100,000	
(158)	Đường dân sinh Trà Ngon	7977398		97,000	0,000	97,000	97,000	
(159)	Cải tạo, tuyến đường dân sinh tổ 5 thôn Tây đi Suối Nghệ 2	7991146	UBND xã Trà Bội	75,000	0,000	75,000	75,000	
(160)	Đường BTXM từ trường mầm non đến trụ sở UBND xã mới	7987141	UBND xã Trà Bội	75,000	0,000	75,000	75,000	
(161)	Nối tiếp đường Cây Ké đi Sông Ông	7980937		70,000	0,000	70,000	70,000	
(162)	Đường BTXM từ Sinh Lành đi Hồ choai	7980940	UBND xã Trà Giang	70,000	0,000	70,000	70,000	
(163)	Đường điện từ nhà ông Sang đi Trà Bội	7980885	BQL DA ĐTXD và PTQD	70,000	0,000	70,000	70,000	
(164)	Cải tạo Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 5	7974177	UBND xã Trà Thụy	60,000	50,957	9,043	9,043	
(165)	Đường BTXM tổ 3, thôn 6	7978413		50,000	0,000	50,000	50,000	
(166)	Đường BTXM từ nhà ông Hồ Văn Khương đến nhà ông Trầm Quốc Viễn tổ 2, thôn 3	7978414	UBND xã Trà Thụy	50,000	0,000	50,000	50,000	
(167)	Đường BTXM từ nhà ông Thế đến nhà ông Thúc tổ 4, thôn Cưa	7978407		90,000	0,000	90,000	90,000	
(168)	Đường BTXM tổ 1 đến tổ 2 thôn Bàng	7978408	UBND xã Trà Hiệp	90,000	0,000	90,000	90,000	
(169)	Xây dựng tường rào công nghệ Trường Tiểu học; Trường Mẫu giáo thôn Môn	7987997		70,000	0,000	70,000	70,000	
(170)	Đường BTXM nhà Hồ Minh Tháo đến Nhà Bà Hồ Thị Bồng tổ 1, thôn Vương	7978442	UBND xã Trà Thanh	80,000	0,000	80,000	80,000	

Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2022	Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2023	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2022 sang năm 2023	Nguyên nhân để xuất kéo dài
1	2	3	4	5	6	7	8	9
(171)	Đường BTXM ngã 3 sông Trường đến tổ 4 thôn Môn	7978445	UBND xã Trà Thanh	80,000	0,000	80,000	80,000	<p>Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023".</p> <p>Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí</p>
(172)	Nối tiếp Đường từ TL 622B đến tổ 3, tổ 4, tổ 5 thôn Sơn Bàn	7977403	UBND xã Trà Sơn	75,000	72,992	2,008	2,008	
(173)	BTXM tuyến đường UBND xã Sơn Trà - Thôn Đông (GD1)	7978402	UBND xã Sơn Trà	70,000	0,000	70,000	70,000	
(174)	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Trà Bao	7997237		70,000	0,000	70,000	70,000	
(175)	BTXM tuyến đường UBND xã Sơn Trà - Thôn Đông (GD2)	7982658		70,000	0,000	70,000	70,000	
(176)	Đường BTXM đi tổ 3 đi tổ 1,2 thôn Trà Hoa	7972541	UBND xã Trà Lâm	70,000	0,000	70,000	70,000	
(177)	Đường BTXM đi tổ 3,4 thôn Trà Khương	7972542		70,000	0,000	70,000	70,000	
(178)	Đường BTXM nội vùng tổ 1,2,3 thôn Trà Xanh	7975813		70,000	0,000	70,000	70,000	
(179)	Tường rào, cổng ngõ, sân bê tông Trường Mẫu giáo thôn Trà Lương	7977411	UBND xã Hương Trà	50,000	35,646	14,354	14,354	
(180)	BTXM Tuyến dọc chè đi tổ 1, tổ 2 thôn Cà Đam (nối tiếp)	7991678		60,000	0,000	60,000	60,000	
(181)	Nối tiếp đường BTXM tổ 4, thôn Trà Lương	7980907	UBND xã Hương Trà	80,000	0,000	80,000	80,000	
(182)	Nhà văn hóa thôn Hà Riêng	7975810	UBND xã Trà Phong	72,000	0,000	72,000	72,000	
(183)	BTXM tuyến nhà Hòa Thành đến khu 9, thôn Hà Riêng (đoạn 5)	7978832		72,000	0,000	72,000	72,000	
(184)	Cải tạo, BTXM đường từ nhà văn hóa thôn Trà Na (cũ) đi xóm Ông Út (thôn trưởng)	7987996		72,000	0,000	72,000	72,000	
(185)	Đường UBND xã đi đội 6 thôn Trà Kem	7978411	UBND xã Trà Xanh	60,000	0,000	60,000	60,000	
(186)	Cải tạo nhà văn hóa thôn Trà Ôi	7987998	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	65,000	0,000	65,000	65,000	
(187)	Kéo đường dây điện tại các khu dân cư	7981105		83,000	0,000	83,000	83,000	
(188)	BTXM tuyến đường nhà ông Hồ Văn Xanh đi tổ 3 thôn Xanh (nối tiếp)	7978446		58,000	0,000	58,000	58,000	
(189)	BTXM Tuyến ông Thanh - Ông Tàu (tổ 3 thôn Bắc Nguyên), nhà Ông Lê - Ông Đông (tổ 3 thôn Bắc Dương, Ông Chung - Ông Văn (tổ 4 thôn Bắc Dương)	7982654	UBND xã Trà Tây	58,000	0,000	58,000	58,000	
(190)	Nối tiếp BTXM tuyến đường nhà ông Hồ Văn Ba tổ 4 thôn Xanh đi Hợp tác xã nông nghiệp Lâm điền Trà Tây	7978450		80,000	0,000	80,000	80,000	
*	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực							
(191)	Trường Tiểu học số 1 Trà Sơn	7991679	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	350,000	0,000	350,000	350,000	
(192)	Trường PTDTBT THCS Trương Ngọc Khang	7993751		200,000	0,000	200,000	200,000	
(193)	Trường PTDTBT THCS Trà Thanh	7993752		392,000	0,000	392,000	392,000	
d	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh bố trí Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới			2.000,000	840,000	1.160,000	1.160,000	

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2022	Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2023	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2022 sang năm 2023	Nguyên nhân để xuất kéo dài
1	2	3	4	5	6	7	8	9
(194)	HTCNSH Nước Gấm, thôn Tây, xã Trà Búi, huyện Trà Bồng	7981070	UBND xã Trà Búi	2.000,000	840,000	1.160,000	1.160,000	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí
8	UBND thị xã Đức Phổ			117.800,000	72.139,840	45.660,160	45.660,160	
a	Nguồn vượt thu tại Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi			117.800,000	72.139,840	45.660,160	45.660,160	
(195)	Hệ thống thoát nước khu vực đô thị (từ cầu Bàu đến sông Rô)		BQL DA ĐTXD và PTQĐ thị xã Đức Phổ	117.800,000	72.139,840	45.660,160	45.660,160	Dự án được bố trí từ nguồn vượt thu, còn nhu cầu thanh toán (thuộc điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/ND-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
9	UBND Huyện Sơn Hà			26.070,000	14.443,425	11.626,575	11.619,671	
a	Nguồn vốn NS tính hỗ trợ có mục tiêu			9.000,000	7.040,089	1.959,911	1.959,911	
(196)	Khắc phục sạt lở khu dân cư Đồi Gu, thị trấn Di Lăng	7940483	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Hà	9.000,000	7.040,089	1.959,911	1.959,911	Vị trí thi công nằm trong khu vực lòng hồ tích nước thuộc Hồ chứa nước Nước Trong, mực nước thường xuyên dâng cao ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình. Mặt khác dự án được bố trí kế hoạch vốn đủ để hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Hiện nay còn nhu cầu giải ngân (Thuộc điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/ND-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
b	Nguồn vượt thu tại Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi			14.999,000	6.310,298	8.688,702	8.688,702	
(197)	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm CN Sơn Hà, huyện Sơn Hà	7972828	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Hà	14.999,000	6.310,298	8.688,702	8.688,702	Dự án được bố trí từ nguồn vượt thu, còn nhu cầu thanh toán (thuộc điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/ND-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
c	Đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			2.071,000	1.093,038	977,962	971,058	
*	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt							
(198)	Nâng cấp HTCNSH thôn Tà Bi	7977406	Xã Sơn Thủy	30,000	23,228	6,772	6,201	
(199)	Giếng khoan cho 03 thôn (Làng Rì, Làng Rê, Tà Đình)	7988411	Xã Sơn Giang	430,000	0,000	430,000	430,000	
(200)	Xây dựng mới hệ thống nước sinh hoạt tập trung thôn Mang Nà (Mang K Rót)	7988647	Xã Sơn Bao	150,000	0,000	150,000	150,000	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí
(201)	Giếng khoan cho 06 thôn trên địa bàn xã	7972550	Xã Sơn Cao	300,000	221,576	78,424	78,424	
(202)	Giếng khoan cho 06 thôn	7971777	Xã Sơn Nham	200,000	172,489	27,511	27,511	
*	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc							
(203)	Đường BTXM ĐH 72 - nhà bà Đình Thị Ty (thôn Bàu Sơn)	7977410	Xã Sơn Nham	30,000	27,049	2,951	2,951	
(204)	Đường BTXM xóm Xá Riêng - nhà ông Đình Văn Hoàng	7977413	Xã Sơn Nham	25,000	22,934	2,066	2,066	

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2022	Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2023	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2022 sang năm 2023	Nguyên nhân để xuất kéo dài
1	2	3	4	5	6	7	8	9
(205)	Đường BTXM ống Giời - Gò Giu, Thôn Gia Ry	7969607	Xã Sơn Trung	80,000	75,363	4,637	4,637	<p>Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023".</p> <p>Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn để ứng ngân sách địa phương bố trí</p>
(206)	Đường BTXM nối tiếp đường DH 73 - cây Đa (nhà ông Sinh), thôn Đông Giang	7970463	Xã Sơn Giang	80,000	74,252	5,748	5,748	
(207)	Đường BTXM đường xóm Ká Ría, thôn Lăng Rí (đoạn DH 73 tới nhà ông Chỏi)	7970462	Xã Sơn Giang	90,000	77,027	12,973	12,973	
(208)	Đường DH 72 - Gò Đùng	7971778	Xã Sơn Linh	90,000	17,265	72,735	72,735	
(209)	Đường BTXM Lăng Ghè - Đập Bờ Rìn	7971779	Xã Sơn Linh	100,000	78,169	21,831	21,831	
(210)	Nâng cấp đường giao thông thôn Nước Bao	7970465	Xã Sơn Bao	100,000	90,674	9,326	9,326	
(211)	Nối tiếp đường BTXM từ nhà ông Hằng đến nhà ông Rơ Xá Ấy	7970437	Xã Sơn Cao	100,000	0,000	100,000	100,000	
(212)	Đường BTXM từ Trường Mầm Non - Nhà ông Hoạch , thôn Lăng Trá	7970432	Xã Sơn Cao	100,000	89,405	10,595	10,595	
(213)	BTXM đường nội vùng thôn Tả Bắc		Xã Sơn Kỳ	96,000	89,595	6,405	6,405	
(214)	Đường BTXM từ QL24B đi xóm Ông Mác	7974185	Xã Sơn Thủy	30,000	21,672	8,328	1,995	
*	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch							
(215)	Sửa chữa nhà Văn hóa thôn Lăng Xinh, xã Sơn Linh	7972552	Xã Sơn Linh	20,000	5,762	14,238	14,238	
(216)	Sửa chữa nhà Văn hóa thôn Bỏ Nung, xã Sơn Linh	7972551	Xã Sơn Linh	20,000	6,578	13,422	13,422	
10	UBND huyện Mộ Đức			75,000,000	32.002,818	42.997,182	42.997,182	
*	Nguồn vượt thu tại Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi			75,000,000	32.002,818	42.997,182	42.997,182	
(217)	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Giếng Tiên - Biển Thạch Thang	7958257	BQL DA DTXD và PTQĐ huyện Mộ Đức	50,000,000	23.976,031	26.023,969	26.023,969	Dự án được bố trí từ nguồn vượt thu, còn nhu cầu thanh toán (thuộc điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
(218)	Kè chống sạt lở bờ sông Vệ, đoạn qua xã Đức Lợi	7960164	BQL DA DTXD và PTQĐ huyện Mộ Đức	25,000,000	8.026,787	16.973,213	16.973,213	
11	UBND huyện Minh Long			187,000	0,000	187,000	187,000	
*	Đổi ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			187,000	0,000	187,000	187,000	
*	Dự án 2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết Theo QĐ số 848 (NCTMT. 08512							
(219)	Dự án bố trí ổn định dân cư vùng DBKK thôn Lăng Tré	7989803	BQL DA DTXD và PTQĐ huyện Minh Long	187,000	0,000	187,000	187,000	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn để ứng ngân sách địa phương bố trí

PHỤ LỤC SỐ 03
DANH MỤC DỰ ÁN DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 SANG NĂM 2023

NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP XÃ QUẢN LÝ
 (Kèm theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND, ngày 24 tháng 5 năm 2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2022	Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2023	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2022 sang năm 2023	Nguyên nhân đề xuất kéo dài
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số			11.983,080	7.471,834	4.511,246	4.511,246	
1	UBND huyện Bình Sơn			1.390,800	191,755	1.199,045	1.199,045	
a	Nguồn bổ sung mục tiêu của ngân sách huyện cho ngân sách xã			1.200,000	68,942	1.131,058	1.131,058	
(1)	Mở rộng khu nghĩa địa Trường Trầu, xã Bình Trưng; Hàng mục: San nền, giao thông	7997242	UBND xã Bình Trưng	1.200,000	68,942	1.131,058	1.131,058	Dự án được bổ trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau (Thuộc điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
b	Nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới			190,800	122,813	67,987	67,987	
(2)	Xây dựng hệ thống mương thoát và BTXM tuyến đường từ nhà ông Phạm Nhân đến nhà văn hóa thôn Mỹ Huệ 3	7981220	UBND xã Bình Dương	50,000	46,229	3,771	3,771	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bổ trí
(3)	Kiểm cố hóa tuyến kênh từ Ruộng Dưa đến Ao Nhon	7981219	UBND xã Bình Dương	46,000	31,553	14,447	14,447	
(4)	Tuyến kênh B3-16-7a N4 Vĩnh	7981221	UBND xã Bình Dương	45,000	38,267	6,733	6,733	
(5)	Nâng cấp khu thể thao xóm 9 - thôn Đông Yên 2 - xã Bình Dương	7981222	UBND xã Bình Dương	49,800	6,764	43,036	43,036	
2	Huyện Tư Nghĩa			2.210,483	1.862,821	347,662	347,662	
a	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi theo Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của UBND huyện Tư Nghĩa			1.690,954	1.478,392	212,562	212,562	
(6)	Chỉnh trang các khu Nghĩa trang nhân dân thị trấn Sông Vệ	7830761	UBND TT Sông Vệ	1.690,954	1.478,392	212,562	212,562	Dự án được bổ trí từ nguồn vượt thu, còn nhu cầu thanh toán (thuộc điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
b	Nguồn vốn Ngân sách huyện đối ứng thực hiện thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 7891/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND huyện Tư Nghĩa			519,529	384,429	135,100	135,100	
(7)	Đường hỗ trợ Xi măng tuyến Đặng Thị Toàn - Huyện Văn Hoàng xã Nghĩa Hòa	8004690	UBND Nghĩa Hòa	94,716	68,009	26,707	26,707	
(8)	Đường hỗ trợ Xi măng tuyến Lê Hưng - Trần Thị Liên xã Nghĩa Hòa	8004691	UBND Nghĩa Hòa	47,511	34,100	13,412	13,412	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bổ trí
(9)	Đường hỗ trợ Xi măng tuyến Lê Tư - Đỗ Thị Được xã Nghĩa Hòa	8004862	UBND Nghĩa Hòa	48,016	32,766	15,250	15,250	
(10)	Đường hỗ trợ Xi măng tuyến Huỳnh Nô - Phạm Thị Em xã Nghĩa Hòa	8004863	UBND Nghĩa Hòa	166,628	132,779	33,849	33,849	
(11)	Đường hỗ trợ Xi măng tuyến Mai Oanh - Mai Xuân Đường xã Nghĩa Hòa	8004864	UBND Nghĩa Hòa	45,896	32,957	12,939	12,939	
(12)	Đường hỗ trợ Xi măng tuyến Ngô Nhì - Gò Mần xã Nghĩa Hòa	8004865	UBND Nghĩa Hòa	116,763	89,820	26,943	26,943	

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2022	Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2023	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2022 sang năm 2023	Nguyên nhân để xuất kéo dài
1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	UBND huyện Ba Tr			237,248	0,000	237,248	237,248	
*	Nguồn vốn ngân sách tỉnh bố trí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Đề án xi măng)			237,248	0,000	237,248	237,248	
(13)	Tuyến đường láng ngõ xóm thôn Gò Nàng	8011900	BQL các CT MTQG xã Ba Vi	39,425	0,000	39,425	39,425	
(14)	Tuyến đường BTXM đi xóm Ông Trói	8011904	BQL các CT MTQG xã Ba Đình	46,778	0,000	46,778	46,778	
(15)	Tuyến đường BTXM đi xóm Ông Chĩa	8011905	BQL các CT MTQG xã Ba Đình	20,250	0,000	20,250	20,250	
(16)	Tuyến đường DT 624 đến nhà ông Âm - Thôn Hy Long	8011219	BQL các CT MTQG xã Ba Điền	4,020	0,000	4,020	4,020	
(17)	Tuyến đường DT 624 đến nhà bà Nghĩa - Thôn Hy Long	8011218	BQL các CT MTQG xã Ba Điền	18,090	0,000	18,090	18,090	
(18)	Tuyến đường từ nhà ông Nho đến nhà ông Anh - thôn Gò Nghinh	8011220	BQL các CT MTQG xã Ba Điền	24,120	0,000	24,120	24,120	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí
(19)	Tuyến đường từ đường BTXM đến nhà ông Xôm	8011870	BQL các CT MTQG xã Ba Tô	14,760	0,000	14,760	14,760	
(20)	Tuyến đường từ đường BTXM đến nhà ông Xoa	8011871	BQL các CT MTQG xã Ba Tô	11,275	0,000	11,275	11,275	
(21)	Tuyến đường từ QL 24 vào nhà ông rách	8011873	BQL các CT MTQG xã Ba Tô	10,250	0,000	10,250	10,250	
(22)	Tuyến đường từ đường BTXM đến nhà ông Thỏ	8011872	BQL các CT MTQG xã Ba Tô	3,690	0,000	3,690	3,690	
(23)	Tuyến đường đường BTXM vào xóm Mang Khê (xóm trên)	8011875	BQL các CT MTQG xã Ba Tô	20,500	0,000	20,500	20,500	
(24)	Đường vào tổ Cầu treo	8011874	BQL các CT MTQG xã Ba Tô	12,300	0,000	12,300	12,300	
(25)	Tuyến đường từ ngã 3 nhà ông Sết đến nhà bà Môn	8011876	BQL các CT MTQG xã Ba Liên	11,790	0,000	11,790	11,790	
4	UBND huyện Sơn Tây			1.801,385	1.404,772	396,613	396,613	
*	Nguồn vốn Ngân sách xã tự bố trí			1.319,890	1.246,305	73,585	73,585	
*	Nguồn vốn xã tự bố trí tại Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND xã Sơn Bua							
(26)	Nâng cấp và sửa chữa hệ thống đèn đường xã Sơn Bua	7987728	UBND xã Sơn Bua	300,000	287,760	12,240	12,240	Nguồn vốn bố trí vào thời điểm cuối năm, chủ đầu tư đang lập các bước chuẩn bị đầu tư, chưa giải ngân kịp trong năm, do nguyên nhân khách quan (thuộc điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
*	Nguồn vốn xã tự bố trí tại Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của UBND xã Sơn Bua							
(26)	Nâng cấp và sửa chữa Nhà văn hóa xã Sơn Bua	7986490	UBND xã Sơn Bua	375,000	357,036	17,964	17,964	Nguồn vốn bố trí vào thời điểm cuối năm, chủ đầu tư đang lập các bước chuẩn bị đầu tư, chưa giải ngân kịp trong năm, do nguyên nhân khách quan (thuộc điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)
*	Nguồn vốn xã tự bố trí tại Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của Chủ tịch UBND xã Sơn Bua							

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2022	Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2023	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2022 sang năm 2023	Nguyên nhân để xuất kéo dài	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
(27)	Mở rộng hệ thống đèn đường xã Sơn Bua	8000825	UBND xã Sơn Bua	250,000	216,189	33,811	33,811	Nguyên vốn bố trí vào thời điểm cuối năm, chủ đầu tư đang lập các bước chuẩn bị đầu tư, chưa giải ngân kịp trong năm (thuộc điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)	
	* Nguồn vốn xã tự bố trí tại Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND xã Sơn Liên								
(28)	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Đắk Đa	7972252	UBND xã Sơn Liên	244,890	240,593	4,297	4,297	Nguyên vốn bố trí vào thời điểm cuối năm, chủ đầu tư đang lập các bước chuẩn bị đầu tư, chưa giải ngân kịp trong năm (thuộc điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)	
	* Nguồn vốn xã tự bố trí tại Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND xã Sơn Liên								
(29)	Nâng cấp và sửa chữa hệ thống đèn năng lượng KDC Ngọc Lân thôn tang Tong	7989214	UBND xã Sơn Liên	150,000	144,727	5,273	5,273	Nguyên vốn bố trí vào thời điểm cuối năm, chủ đầu tư đang lập các bước chuẩn bị đầu tư, chưa giải ngân kịp trong năm (thuộc điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)	
b	Đổi ứng NS xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới			481,495	158,467	323,028	323,028		
(30)	Mở rộng và nâng cấp Nhà Văn hóa thôn Nước Kìa, xã Sơn Tinh	7991506	UBND xã Sơn Tinh	47,668	23,035	24,633	24,633	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đổi ứng ngân sách địa phương bố trí	
(31)	Xây dựng đường BTXM nhà ông Hiến - ông Nghìn, thôn Bà Hè, xã Sơn Tinh	7991505	UBND xã Sơn Tinh	85,324	0,000	85,324	85,324		
(32)	Xây dựng Công viên cây xanh xã Sơn Tinh	7989207	UBND xã Sơn Tinh	121,030	117,652	3,378	3,378		
(33)	Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	7988874	UBND xã Sơn Long	35,938	0,000	35,938	35,938		
(34)	BTXM Đường Trường Sơn Đồng đì nhà Ông Hoàng	7987725	UBND xã Sơn Long	12,707	0,000	12,707	12,707		
(35)	BTXM nhà ông Sa đi xóm ông Thích	7987726	UBND xã Sơn Long	8,318	0,000	8,318	8,318		
(36)	Đường điện bảng năng lượng mặt trời từ cầu Nước Tang đến nhà ông Điều	7987727	UBND xã Sơn Long	28,430	7,951	20,479	20,479		
(37)	Đường điện bảng năng lượng mặt trời từ nhà ông Tê đến Đình Kà Rà	7987724	UBND xã Sơn Long	39,897	9,829	30,068	30,068		
(38)	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng NSH KDC Mang Tà Đé, thôn Mang Hè	7989126	UBND xã Sơn Bua	43,310	0,000	43,310	43,310		
(39)	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Đập Thủy lợi Nước Tang	7989127	UBND xã Sơn Bua	8,553	0,000	8,553	8,553		
(40)	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường KLot - Xóm ông Vây	7989128	UBND xã Sơn Bua	50,320	0,000	50,320	50,320		
5	UBND huyện Trà Bồng			1.400,000	1.031,873	368,127	368,127		
	* Nguồn vốn ngân sách huyện hỗ trợ có mục tiêu cho NS xã tại Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng			1.400,000	1.031,873	368,127	368,127		
(41)	Trường mầm non số 1 Sơn Trà	7965330	UBND xã Sơn Trà	1.400,000	1.031,873	368,127	368,127	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau, còn như cấu thành toán (thuộc điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)	
6	UBND thị xã Đức Phổ			1.056,600	0,000	1.056,600	1.056,600		

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2022	Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2023	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2022 sang năm 2023	Nguyên nhân để xuất kéo dài
1	2	3	4	5	6	7	8	9
a	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh bố trí Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới			56,600	0,000	56,600	56,600	
(42)	Dự án: Đầu tư nước công trình nước sinh hoạt thôn Châu Mè	7988535	UBND xã Phổ Châu	56,600		56,600	56,600	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí
b	Nguồn đối ứng Ngân sách tỉnh thường xđ đạt chuẩn nông thôn mới			1,000,000	0,000	1,000,000	1,000,000	
(43)	Xây dựng nhà vệ sinh 03 khu văn hóa thôn Châu Mè, Vĩnh Tuy, Hưng Long	8003341	UBND xã Phổ Châu	500,000		500,000	500,000	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí
(44)	Kà ngân nước cầu đường sắt	8003396	UBND xã Phổ Châu	500,000		500,000	500,000	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí
7	UBND Huyện Mộ Đức			3,886,564	2,980,613	905,951	905,951	
a	Nguồn vốn đối ứng của tỉnh để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM			3,724,700	2,962,534	762,166	762,166	
(45)	Đ. Xi BTXM: Nâng cấp tuyến đường trung tâm xã từ Nhà văn hóa thôn Kỳ Tân đến ngã tư ống tằm (GD 1)	7984687	UBND xã Đức Lợi	960,000	912,192	47,808	47,808	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí
(46)	Đ. Xi BTXM: Nâng cấp tuyến đường ngã tư Vinh Phú - KDV Trùng Dương	7984877	UBND xã Đức Lợi	960,000	933,120	26,880	26,880	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí
(47)	Đ. Xi BTXM: Tuyến Lê Minh Chính - Lê Văn Thơ	7986129	UBND xã Đức Lợi	640,000	67,835	572,165	572,165	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí
(48)	Hệ thống mương tiêu nước vùng SXNN xóm C, xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức	7986391	UBND xã Đức Lợi	800,000	686,000	114,000	114,000	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí
(49)	Hệ thống điện chiếu sáng đường trung tâm xã	7985074	UBND xã Đức Lợi	364,700	363,387	1,313	1,313	Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội quy định: "Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 của 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến ngày 31/12/2023". Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân phần vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí
b	Nguồn thu tiền sử dụng đất			161,864	18,079	143,785	143,785	
(50)	Nhà văn hóa thôn Chũ Tượng	7711228	UBND xã Đức Hiệp	11,825		11,825	11,825	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đơm vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau
(51)	Trường Mầm non Đức Hiệp	7689168	UBND xã Đức Hiệp	82,243		82,243	82,243	
(52)	Trường Tiểu học Đức Hiệp	7697132	UBND xã Đức Hiệp	67,796	18,079	49,717	49,717	